

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 18/NGOCTHOMFOODS/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM
NGOC THOM FOODS**

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Mỹ
Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 0982525151

Email: ngocthomfoods@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 1102026993

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Áp dụng ISO 22000:2018 số:
TQC.03.5758. Ngày cấp: 25/01/2024. Nơi cấp: TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **LẠP XƯỚNG TƯƠI VỊ TÂY BẮC**

2. Thành phần: Thịt heo (40 %), thịt gà (30 %), mỡ heo (25 %), nước, đường
kính, muối, chất điều vị (INS 621), chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS
296), chất nhũ hoá (INS 450(iii), INS 451(i), INS 450(i)), chất ổn định (INS
471, INS 407a), chất bảo quản (INS 234, INS 250), chất chống đông vón (INS
341(i), INS 504(i), INS 551, INS 500(ii)), chất làm dày (INS 422),
maltodextrin, hương liệu thịt tổng hợp, protein từ đậu nành, hỗn hợp gia vị (quế,
hồi, tiêu, tỏi, ngò, gừng, mắc khén), bột gạo đỏ lên men, dextrose, collagen,
cellulose, phẩm màu tự nhiên (INS 120), phẩm màu tổng hợp (INS 129).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Bảo quản ở nhiệt độ 0°C – 4°C hoặc ngăn mát tủ lạnh: 90 ngày kể từ
ngày sản xuất.

Điều kiện bảo quản an toàn, không có tác nhân gây ảnh hưởng đến chất
lượng sản phẩm.



4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm đựng trong bao bì nhựa PA/LLDPE. Cam kết bao bì chứa đựng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Quy cách bao gói: Đóng gói kín và được hút chân không.

Khối lượng tịnh: 250 g, 500 g (Hoặc Khối lượng tịnh khác theo nhu cầu khách hàng được thể hiện rõ trên nhãn sản phẩm)

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS**

Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

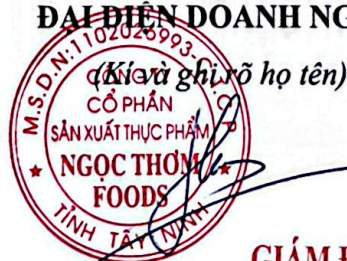
- Chi tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 8-3:2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

- Chi tiêu kim loại nặng: Theo QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tây Ninh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hoàng



COOP

Select

Lạp Xương Tươi TAY BAC FRESH SAUSAGE

Khối lượng tịnh:
250 g

*Đậm vị mùi riêng,
trơn lành Tây Bắc*

VỊ TÂY BẮC

**THÔNG TIN DINH DƯỠNG
TRONG 100 g**

Năng lượng	342 kcal
Chất đạm	15,7 g
Carbohydrat	5,2 g
Đường tổng số	5,1 g
Chất béo	28,8 g
Natri	525 mg

Giá trị dinh dưỡng không thấp hơn 80 % giá trị ghi nhận

Thành phần:

Thịt heo (40 %), thịt gà (30 %), mỡ heo (25 %), nước, đường kính, muối, chất điều vị (INS 621), chất điều chỉnh độ acid (INS 262(i), INS 296), chất nhũ hoá (INS 450(ii), INS 451(i), INS 450(i)), chất ổn định (INS 471, INS 407a), chất bảo quản

(INS 234, INS 250), chất chống đông vón (INS 341(i), INS 504(i), INS 551, INS 500(ii)), chất làm dày (INS 422), maltodextrin, hương liệu thịt tổng hợp, protein từ đậu nành, hỗn hợp gia vị (quế, hồi, tiêu, tỏi, gừng, mắc khén), bột gạo đã lên men, dextrose, collagen, cellulose, phẩm màu tự nhiên (INS 120), phẩm màu tổng hợp (INS 129)

Hướng dẫn sử dụng:
Chế biến các món ăn tùy thích. Làm chín trước khi dùng.

Hướng dẫn bảo quản:
Bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 4°C hoặc ngăn mát tủ lạnh. Điều kiện bảo quản an toàn, không có tác nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Thông tin cảnh báo:
Không dùng sản phẩm có màu, mùi lạ, quá hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm. Không dùng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Sản xuất độc quyền cho:
LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)
Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGOC THOM FOODS
Địa chỉ: Lô E5, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Cung cấp bởi:
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGOC THOM
Địa chỉ: 12/14/18, Đường số 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tự công bố số: 18/NGOCTHOMFOODS/2025
Xuất xứ: Việt Nam
NHÀ MÁY ĐẠT CHUẨN ✓ ISO 22000:2018

Lắng nghe ý kiến khách hàng
(028) 3920 5733



Hình ảnh mang tính chất minh họa



Khối lượng tịnh 500 g



COOP

Select

Lạp Xưởng Tươi

TAY BAC FRESH SAUSAGE

VỊ TÂY BẮC

Khối lượng tịnh:

500 g

*Đậm vị mùi rừng,
trơn lành Tây Bắc*

THÔNG TIN DINH DƯỠNG TRONG 100 g

Năng lượng	342 kcal
Chất đạm	15,7 g
Carbohydrat	5,2 g
Đường tổng số	5,1 g
Chất béo	28,8 g
Natri	525 mg

Giá trị dinh dưỡng không thấp hơn 80 % giá trị ghi nhận.

Thành phần:

Thịt heo (40 %), thịt gà (30 %), mỡ heo (25 %), nước, đường kính, muối, chất điều vị (INS 621), chất điều chỉnh độ acid (INS 262(ii), INS 296), chất nhũ hóa (INS 450(iii), INS 451(i)), INS 450(iii)), chất ổn định (INS 471, INS 407a), chất bảo quản (INS 234, INS 250), chất chống đóng vón (INS 341(i)), INS 504(i), INS 551, INS 500(iii)), chất làm dày (INS 422), maltodextrin, hương liệu thịt tổng hợp, protein

từ đậu nành, hỗn hợp gia vị (quế, hồi, tiêu, tỏi, ngò, gừng, mắc khén), bột gạo đã lên men, dextrose, collagen, cellulose, phẩm màu tự nhiên (INS 120), phẩm màu tổng hợp (INS 129).

Hướng dẫn sử dụng:

Chế biến các món ăn tùy thích. Làm chín trước khi dùng.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 4°C hoặc ngăn mát tủ lạnh.

Điều kiện bảo quản an toàn, không có tác nhân gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Thông tin cảnh báo:

Không dùng sản phẩm có màu, mùi lạ, quá hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm. Không dùng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

NSX và HSD: xem trên bao bì sản phẩm.

Sản xuất độc quyền cho:

LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HỒ CHÍ MINH (SAIGON CO-OP)

Chịu trách nhiệm về hàng hóa và sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS

Địa chỉ: Lã ES, Đường số 9, Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức

Hòa Đông, Xã Mỹ Hạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Cung cấp bởi:

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ NGỌC THƠM

Địa chỉ: 12/14/78, Đường số 49, Khu phố 69, Phường Hiệp Bình,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tỷ công bố số: 18/NGOCTHOMFOODS/2025

Xuất xứ: Việt Nam

NHÀ MÁY ĐẠT CHUẨN: / ISO 22000:2018

Lắng nghe ý kiến khách hàng
(028) 3920 5733



Hình ảnh mang tính chất minh họa





Report N°: 0001227760

Page N° 1/25

Ho Chi Minh City, Date: December 16, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 16/12/2025

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2510A-6627

Đơn hàng: 2510A-6627

CLIENT'S NAME : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THỰC PHẨM NGỌC THƠM FOODS
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : LÔ E5, ĐƯỜNG SỐ 9, CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI SƠN ĐỨC HÒA ĐÔNG, XÃ
Địa chỉ MỸ HẠNH, TỈNH TÂY NINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : LIEN HIEP HOP TAC XA THUONG MAI TP. HCM
Được lấy/ gửi bởi : LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI TP. HCM

Client's reference : Lạp xưởng tươi vị Tây Bắc
Chú thích của khách hàng

Sampling date : 28/10/2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1.8kg) in 07 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1.8kg bao gồm bao bì) chứa trong 07 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2510A-6627.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : October 29, 2025
Ngày nhận mẫu : 29/10/2025

Testing period : October 29, 2025 - November 07, 2025
Thời gian thử nghiệm : 29/10/2025 - 07/11/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot II/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) - rep 1 <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí - thử nghiệm lần 1</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.3x10 ²	-	10	cfu/g	
2. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) - rep 2 <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí - thử nghiệm lần 2</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.2x10 ²	-	10	cfu/g	
3. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) - rep 3 <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí - thử nghiệm lần 3</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.3x10 ²	-	10	cfu/g	
4. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) - rep 4 <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí - thử nghiệm lần 4</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.0x10 ²	-	10	cfu/g	
5. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) - rep 5 <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí - thử nghiệm lần 5</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.8x10 ²	-	10	cfu/g	
6. E. coli - rep 1 <i>E. coli - thử nghiệm lần 1</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
7. E. coli - rep 2 <i>E. coli - thử nghiệm lần 2</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
8. E. coli - rep 3 <i>E. coli - thử nghiệm lần 3</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
9. E. coli - rep 4 <i>E. coli - thử nghiệm lần 4</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
10. E. coli - rep 5 <i>E. coli - thử nghiệm lần 5</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
11. Salmonella spp. - rep 1 <i>Salmonella spp. - thử nghiệm lần 1</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
12. Salmonella spp. - rep 2 <i>Salmonella spp. - thử nghiệm lần 2</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	

01001
 CO
 SGS
 TRẮC
 QUAN 3

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
13. Salmonella spp. - rep 3 <i>Salmonella spp. - thử nghiệm lần 3</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
14. Salmonella spp. - rep 4 <i>Salmonella spp. - thử nghiệm lần 4</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
15. Salmonella spp. - rep 5 <i>Salmonella spp. - thử nghiệm lần 5</i>	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.9	-	cfu/25g	
16. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871:2009	15.68	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
17. Acid insoluble ash <i>Tro không tan trong axit</i>	LFOD-TST-SOP-8244	<0.1	0.03	0.1	g/100g	
18. Moisture (103 °C) <i>Độ ẩm</i>	GB 5009.3: 2016 (Method 1) ^(*)	45.61	0.07	0.5	g/100g	
19. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	AOAC 2020.07	5.15	0.05	0.18	g/100g	not incl. polyols Note (2)
20. Energy (Viet Nam (VN) market) <i>Năng lượng (Thị trường Việt Nam (VN))</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(*)	342	-	-	kcal/100g	
21. Borate (as Boric acid) <i>Borat (quy về axit Boric)</i>	AOAC 970.33	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	100	-	mg/kg	
22. Kreis test (as Malonaldehyde) <i>Phản ứng Kreis (quy về Malonaldehyde)</i>	LFOD-TST-SOP-8258	Detected <i>Phát hiện</i>	1	-	mg/kg	
23. Qualitative test for hydrogen sulfide (H ₂ S) <i>Định tính hydrosulfua</i>	TCVN 3699:1990	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	-	mg/kg	
24. Ammonia (NH ₃) <i>Amoniác (NH₃)</i>	LFOD-TST-SOP-8194	18.82	1.36	4.53	mg/100g	
25. Sodium nitrite (Calculated from nitrite) <i>Natri nitrit (Tính toán từ Nitrit)</i>	ISO 2918:1975	39.7	0.3	1	mg/kg	
26. Peroxide value (on fat basis) <i>Chỉ số peroxit (trên nền béo)</i>	GB 5009.227-2016	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.15	0.5	meq/kg	
27. Peroxide value (on received basis) <i>Chỉ số peroxit (mẫu nguyên trạng)</i>	GB 5009.227-2016	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	-	meq/kg	

1401
ĐANG
VIỆT
THỰC HIỆN
T.P.T

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 ((84-28) 3935 1920 ((84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
28. Total sugars (sum of Fructose, Galactose, Glucose, Isomaltose, Lactose, Maltose, Melibiose, Rhamnose, Sucrose, and Xylose) <i>Đường tổng (tổng của Fructose, Galactose, Glucose, Isomaltose, Lactose, Maltose, Melibiose, Rhamnose, Sucrose và Xylose)</i>	AOAC 2018.16	5.14	_(a)	_(a)	g/100g	
29. Fructose <i>Fructose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
30. Galactose <i>Galactose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
31. Glucose <i>Glucose</i>	AOAC 2018.16	0.495	0.03	0.1	g/100g	
32. Lactose <i>Lactose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
33. Isomaltose <i>Isomaltose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
34. Maltose <i>Maltose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
35. Sucrose <i>Sucrose</i>	AOAC 2018.16	4.64	0.03	0.1	g/100g	
36. Xylose <i>Xylose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
37. Rhamnose <i>Rhamnose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
38. Melibiose <i>Melibiose</i>	AOAC 2018.16	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	g/100g	
39. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	28.7811	0.0001	0.0003	g/100g	
40. Saturated fat (expressed as saturated fatty acid-SFA) <i>Chất béo bão hòa (được biểu thị dưới dạng axit béo bão hòa-SFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	10.2181	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
41. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) <i>Axit béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (Ref. ISO 16958:2015)	0.0586	0.0001	0.0003	g/100g	
42. Carmine (as carminic acid) <i>Carmine (quy về axit carminic)</i>	NMKL No.157 (2007) (*)	93	3	10	mg/kg	
43. Monophosphate (expressed P) <i>Monophosphate (biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	1290	13	44	mg/kg	
44. Total Polyphosphates (sum of diphosphate, triphosphate, and trimetaphosphate, expressed as P) <i>Polyphosphate tổng (Tổng của Diphosphate, triphosphate và trimetaphosphate, biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
45. Triphosphate (expressed as P) <i>Triphosphate (biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	13	44	mg/kg	
46. Trimetaphosphate (expressed as P) <i>Trimetaphosphate (biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	13	44	mg/kg	
47. Diphosphate (expressed as P) <i>Diphosphate (biểu thị theo P)</i>	LFOD-TST-SOP-8479 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	13	44	mg/kg	
48. Allura Red AC <i>Allura Red AC</i>	LFOD-TST-SOP-8538	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	3	10	mg/kg	
49. Sodium (Na) <i>Natri</i>	AOAC 2011.14	525	0.5	1	mg/100g	
50. Cadmium (Cd) <i>Cadimi</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
51. Lead (Pb) <i>Chì</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.005	0.01	mg/kg	
52. Chloramphenicol <i>Chloramphenicol</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8013 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
53. (Fluoro)quinolones (sum of enrofloxacin and ciprofloxacin) <i>(Fluoro)quinolones (tổng của enrofloxacin và ciprofloxacin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
54. Ciprofloxacin <i>Ciprofloxacin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.25	µg/kg	
55. Enrofloxacin <i>Enrofloxacin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8044 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.25	µg/kg	
56. Clenbuterol <i>Clenbuterol</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8000 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
57. Salbutamol <i>Salbutamol</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8000 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
58. Ractopamine <i>Ractopamine</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8000 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
59. Nisin A <i>Nisin A</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8024 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	mg/kg	
60. Pesticides by LC & GC-MS/MS ^(w) <i>Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS</i>	Refer to the note <i>Tham khảo phần ghi chú</i>	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	-	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (1) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (w) Values below or equal to limit of detection, unless listed above. The analytes tested by LFOD-TST-SOP-8421 are listed in the annex enclosed.
Nếu không được liệt kê bên trên thì những chất được kiểm nghiệm nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn phát hiện. Các chỉ tiêu phân tích được kiểm tra theo phương pháp LFOD-TST-SOP-8421 được liệt kê trong phụ lục kèm theo.
- (2) Including digestible starch, maltodextrins, isomalto-oligosaccharides, isomaltose, sucrose, lactose, glucose, fructose, galactose, turanose, isomaltulose, arabinose and 40 % of lactulose. It does not include polyols, melibiose, rhamnose, xylose, fucose, mannose, ribose, trehalose, cellobiose, tagatose and allulose.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 01 Jul, 2025

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.